

Số: 347 /KH-UBND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 hợp nhất Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; Công văn số 8713/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026 về việc xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 901/TTr-SNNMT ngày 07/9/2026 về việc đề nghị UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 để đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026 và giai đoạn 2022-2026;

- Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là căn cứ đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội giai đoạn 2027-2030; đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hằng năm của các địa phương và toàn tỉnh; đồng thời hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phải được thực hiện từ thôn, tổ dân phố, trực tiếp đối với hộ gia đình; đảm bảo chính xác, đúng quy trình, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng, có sự tham gia của người dân; chống bệnh thành tích, quan liêu; phản ánh đúng thực trạng của địa phương; tránh tình trạng phản ánh sai lệch thực tế, bỏ sót đối tượng hoặc đưa sai đối tượng vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Tổng hợp báo cáo kết quả đúng tiến độ quy định.

II. QUY TRÌNH RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2026 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2022-2025; RÀ SOÁT, CÔNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2027-2030

1. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

Thực hiện rà soát năm 2026 theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP; điểm a, b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên;

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản;

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Chuẩn hộ nghèo

- Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên;

- Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản;

- Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Đối tượng, phạm vi rà soát: hộ gia đình trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của Luật Cư trú.

3. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

3.1. Quy trình rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; khoản 2 Điều 43 và Điều 45 Nghị định 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Quy trình rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

- Quy trình rà soát định kỳ hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Quy trình rà soát trong năm thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Lực lượng rà soát: Tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện rà soát.

5. Phương pháp rà soát

5.1. Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

Phương pháp rà soát phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 thực hiện theo quy định tại Điều 1 Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.2. Theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

Là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình quy định tại Điều 4 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

6. Thời gian rà soát, tổng hợp và báo cáo kết quả

6.1. Đối với việc rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

a) Thời gian rà soát: Thực hiện từ 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 năm 2026.

b) Tổng hợp và báo cáo kết quả

- Trước ngày 01 tháng 11 năm 2026, Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Trước ngày 01 tháng 12 năm 2026, Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026, kèm theo hệ thống mẫu biểu báo cáo theo quy định (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường);

- Trước ngày 15 tháng 12 năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.2. Đối với việc rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

a) Thời gian rà soát

- Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát;

- Thời gian rà soát trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm (trừ trường hợp đột xuất);

- Trường hợp đột xuất: phát sinh từ ngày 15 tháng 12 đến hết 31 tháng 12 hằng năm.

b) Tổng hợp và báo cáo kết quả

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

*** Chế độ báo cáo kết quả rà soát trong năm**

- Trước ngày 05 hằng tháng, Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả rà soát (nếu có);

- Trước ngày 10 hằng tháng, Sở Nông nghiệp và môi trường tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn (nếu có), báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

*** Chế độ báo cáo kết quả rà soát định kỳ hằng năm**

- Đối với báo cáo kết quả sơ bộ

+ Trước ngày 01 tháng 11 hằng năm: Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn, gửi báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường;

+ Trước ngày 10 tháng 11 hằng năm: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn, gửi báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

*** Đối với báo cáo kết quả chính thức**

+ Trước ngày 01 tháng 12 hằng năm: Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo chính thức kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

trường) gồm: kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và đánh giá kết quả giảm nghèo so với kết quả cùng kỳ năm trước; các biểu mẫu tổng hợp theo quy định;

+ Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm: Chủ tịch UBND tỉnh công bố chính thức kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn, gửi báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường gồm: kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; đánh giá kết quả giảm nghèo so với kết quả cùng kỳ năm trước và mẫu biểu tổng hợp theo quy định);

+ Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 và mẫu biểu báo cáo;

- Hướng dẫn các địa phương rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; hằng năm tổ chức tập huấn, hướng dẫn các địa phương thực hiện rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định;

- Tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và quyết định công bố chính thức kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm (*nếu có*), định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>;

- Phối hợp với các, sở, ngành liên quan và địa phương xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm đánh giá việc thực hiện xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa phương.

2. Sở Tài chính

Tham mưu với UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; hướng dẫn thanh, quyết toán kinh phí phục vụ cho việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hằng năm đảm bảo đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Sở Y tế

Chủ trì hướng dẫn rà soát, xác định các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thuộc lĩnh vực y tế theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì hướng dẫn rà soát, xác định các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thuộc lĩnh vực giáo dục theo quy định.

5. Sở Xây dựng

Chủ trì hướng dẫn rà soát, xác định các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thuộc các tiêu chí về nhà ở theo quy định.

6. Sở Nội vụ

Chủ trì hướng dẫn rà soát, xác định các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thuộc các tiêu chí về việc làm theo quy định.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì hướng dẫn rà soát, xác định các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thuộc các tiêu chí về thông tin (sử dụng dịch vụ internet và các dịch vụ số cơ bản) theo quy định.

8. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến cuộc rà soát trong phạm vi các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã và các thông tin thống kê khác thuộc phạm vi quản lý, đã được công bố theo quy định của Luật Thống kê.

9. Các sở, ngành liên quan

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 và mẫu, biểu báo cáo;

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ động tham mưu cho ngành chỉ đạo cơ sở tổ chức thực hiện; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo ở địa phương.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo giai đoạn 2026-2030 đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

11. Báo và Phát thanh Truyền hình Hưng Yên

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí, tổ chức lực lượng thực hiện rà soát tại địa phương để thực hiện nhiệm vụ rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên các phương tiện truyền thông để mọi người dân biết, tham gia giám sát và thực hiện; chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp biến cố rủi ro để hướng dẫn hộ làm Giấy đề nghị rà soát;

- Chỉ đạo tổng hợp, quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; các mẫu biểu tổng hợp; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các địa phương kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo. *Nguyễn Văn Tuấn*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, KT2^(T. Tuấn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn